

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HỒNG BÀNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2025/HNGĐ-ST

Ngày 09-04-2025

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Thường.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Ngọc Hải;

Bà Bùi Thị Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 04 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 79/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2025/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị [Hoàng Thùy D](#); nơi ĐKKHKT: [Số B L, phường H, quận H, thành phố Hải Phòng](#); nơi ở hiện nay: [Lô I, A, phường S, quận H, thành phố Hải Phòng](#); vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh [Đỗ Văn T](#); nơi cư trú: [Số B L, phường H, quận H, thành phố Hải Phòng](#); vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là chị [Hoàng Thùy D](#) trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị [Hoàng Thùy D](#) và anh [Đỗ Văn T](#) xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại [Ủy ban nhân dân phường H, quận H, thành phố Hải Phòng](#) năm 2005.

Quá trình chung sống: Thời gian đầu, anh chị chung sống hạnh phúc được mấy năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do có nhiều bất đồng trong quan điểm sống, cũng như suy nghĩ. Mặc dù mâu thuẫn anh chị được gia đình khuyên giải, nhưng quan hệ vợ chồng không cải thiện được. Anh chị sống ly thân được mấy năm, mỗi người ở một nơi, không ai quan tâm đến ai về tình cảm và kinh tế. Nay, chị [D](#) xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn kéo dài, không có khả năng đoàn tụ nên chị [D](#) đề nghị được ly hôn với anh [Đỗ Văn T](#) để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị [Hoàng Thùy D](#) và anh [Đỗ Văn T](#) có ba con chung [Đỗ Lan A](#), sinh ngày 26/8/2005; [Đỗ Mạnh T1](#), sinh ngày 30/4/2010 và [Đỗ Kim C](#), sinh ngày 11/7/2020. Ly hôn, chị [D](#) đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con [Đỗ Kim C](#), anh [T](#) trực tiếp nuôi dưỡng con [Đỗ Mạnh T1](#) cho đến khi con trưởng thành. Cháu [Đỗ Lan A](#) đã trưởng thành nên chị [D](#) không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Việc cấp dưỡng nuôi con, chị [D](#) và anh [T](#) tự thỏa thuận, chị [D](#) không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị [Hoàng Thùy D](#) và anh [Đỗ Văn T](#) tự thỏa thuận, chị [D](#) không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị [D](#) nhận nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, trong các bản tự khai và hoà giải, bị đơn anh [Đỗ Văn T](#) trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Thời gian, điều kiện và hoàn cảnh đăng ký kết hôn như chị [D](#) trình bày là đúng. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Trong quá trình chung sống, vợ chồng tôi phát sinh nhiều mâu thuẫn, nhưng không lớn, anh đã cố gắng khắc phục nhưng không có kết quả. Nay chị [D](#) đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn, tôi không đồng ý việc ly hôn với chị [D](#).

Về con chung: Chị [D](#) và anh [T](#) có ba con chung [Đỗ Lan A](#), sinh ngày 26/8/2005; [Đỗ Mạnh T1](#), sinh ngày 30/4/2010 và [Đỗ Kim C](#), sinh ngày 11/7/2020. Ly hôn, anh [T](#) đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng con [Đỗ Mạnh T1](#); để chị [D](#) trực tiếp nuôi con [Đỗ Kim C](#) cho đến khi con trưởng thành. Cháu [Đỗ Lan A](#) đã trưởng thành nên anh [T](#) không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Việc cấp dưỡng nuôi con, anh [T](#) và chị [D](#) tự thỏa thuận, anh [T](#) không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh [T](#) và chị [D](#) tự thỏa thuận, anh [T](#) không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ của chính quyền địa phương, đại diện gia đình, dân phố thể hiện: Về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn như chị [D](#), anh [T](#) trình bày. Trong quá trình chung sống, giữa anh chị phát sinh mâu thuẫn không thể hòa giải, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống và suy nghĩ. Mâu thuẫn anh chị được gia đình khuyên giải, nhưng quan hệ vợ chồng không cải thiện được. Hiện tại, chị [D](#) và anh [T](#) đã sống ly thân, không có trách nhiệm với nhau. Nay chị [D](#) xin ly hôn với anh [T](#), quan điểm chính quyền địa phương và gia đình đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị [D](#) và anh [T](#) có ba con chung là [Đỗ Lan A](#), sinh năm 2005; [Đỗ Mạnh T1](#), sinh năm 2010 và [Đỗ Kim C](#), sinh năm 2020. Ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa: Chị [Hoàng Thùy D](#) giữ nguyên yêu khởi kiện. Anh [Đỗ Văn T](#) vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các qui định của pháp luật; nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 51, Điều 55, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 207; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: xử: Chị [Hoàng Thùy D](#) được ly hôn anh [Đỗ Văn T](#).

- Về con chung: Giao con [Đỗ Kim C](#), sinh năm 2020 cho chị [D](#) nuôi dưỡng, giao con [Đỗ Mạnh T1](#), sinh năm 2010 cho anh [T](#) nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Con chung [Đỗ Lan A](#), sinh năm 2005 đã trưởng thành anh chị không yêu cầu giải quyết, nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị [D](#) và anh [T](#) không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị [D](#) phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về việc tranh chấp ly hôn; bị đơn có nơi cư trú tại [số B L, phường H, quận H, thành phố Hải Phòng](#), nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn là anh [Đỗ Văn T](#) vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh [T](#) theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị [Hoàng Thùy D](#) vắng mặt và đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nên theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị [D](#).

- Về áp dụng pháp luật nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị [Hoàng Thùy D](#) và anh [Đỗ Văn T](#) kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại [Ủy ban nhân dân phường H, quận H, thành phố Hải Phòng](#) năm 2005; căn cứ vào Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình, quan hệ hôn nhân giữa anh, chị là hôn nhân hợp pháp.

Tòa án xác minh và thu thập chứng cứ cho thấy: Trong quá trình chung sống, giữa anh chị phát sinh mâu thuẫn, do có nhiều bất đồng trong quan điểm sống và suy nghĩ, hiện anh chị đã sống ly thân, mâu thuẫn anh chị ngày càng trầm trọng, không thể hòa giải, tình cảm vợ chồng không còn. Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng anh [T](#) vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do, là tự từ bỏ quyền lợi của mình trước tòa, đồng thời thể hiện anh [T](#) không có thiện chí hoà giải để vợ chồng đoàn tụ. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị [Hoàng Thùy D](#) và anh [Đỗ Văn T](#) đã thực sự trầm trọng, cuộc sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, việc chị [D](#) đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn anh [T](#) là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị [Hoàng Thùy D](#) và anh [Đỗ Văn T](#) có ba con chung [Đỗ Lan A](#), sinh ngày 26/8/2005; [Đỗ Mạnh T1](#), sinh ngày 30/4/2010 và [Đỗ Kim C](#), sinh ngày 11/7/2020. Chị [D](#) và anh [T](#) đã thỏa thuận: Giao con chung [Đỗ Mạnh T1](#) cho anh [T](#) trực tiếp nuôi dưỡng, chị [D](#) trực tiếp nuôi dưỡng con [Đỗ Kim C](#). Con [Đỗ Lan A](#) đã trưởng thành nên chị [D](#) và anh [T](#) không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét giải quyết.

[7] Về án phí: Chị [Hoàng Thùy D](#) phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 207; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về hôn nhân: Xử chị [Hoàng Thùy D](#) ly hôn anh [Đỗ Văn T](#).

2. Về con chung: Giao con chung [Đỗ Kim C](#), sinh ngày 11/7/2020 cho chị [Hoàng Thùy D](#) trực tiếp nuôi dưỡng; anh [Đỗ Văn T](#) trực tiếp nuôi dưỡng con [Đỗ Mạnh T1](#), sinh ngày 30/4/2010 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Việc cấp dưỡng nuôi con, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị [Hoàng Thùy D](#) phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002617 ngày 15/11/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. Chị [Hoàng Thùy D](#) đã nộp đủ số tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị [D](#) và anh [T](#) được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND TP Hải Phòng;
- VKSND quận Hồng Bàng;
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng;
- UBND phường Hùng Vương, Hồng Bàng, HP
(Giấy CNKH số 01 ngày 09/11/2005);
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Thường